

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/DS-ST
Ngày 25-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu B

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khải H

Bà Phạm Kim N

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phùng B T - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2017/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2017/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Lê Thị B.

2. Ông Nguyễn Bá T.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp Nhơn Thuận 1B, xã Nhơn Nghĩa A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Hoàng Tố N.

Địa chỉ cư trú: khu vực 3, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/9/2017 các nguyên đơn bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bá T trình bày: ngày 27/6/2013 bà Lê Thị B có cho bà Nguyễn Hoàng Tố N vay 04 chỉ vàng 24k, loại 9999, bà B không xác định được là vàng bao nhiêu %, lúc cho vay có làm biên nhận thỏa thuận không trả lãi. Ngoài ra, đến tháng 9/2013 bà B tiếp tục cho bà N vay tiếp 03 chỉ vàng 24k cùng loại với số vàng cho vay lần 1, lần vay thứ 2 này hai bên cũng thỏa thuận không tính lãi và không làm biên nhận. Bà N đã nhiều lần hứa hẹn sẽ trả lại số vàng đã vay cho bà B nhưng đến nay bà N vẫn không thực hiện. Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bá T khởi kiện yêu cầu bà N có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông T, bà B số vàng vốn vay còn nợ tổng cộng là 07 chỉ vàng 24k, loại 9999, không yêu cầu tính lãi.

Những nội dung mà các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được: không.

Những nội dung mà các đương sự chưa thống nhất thỏa thuận được:

- Bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bá T yêu cầu bà Nguyễn Hoàng Tố N có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông T, bà B số vàng vốn vay còn nợ tổng cộng là 07 chỉ vàng 24k, loại 9999, không yêu cầu tính lãi. Bà N chưa thể hiện ý kiến.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ lúc thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vi phạm pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bá T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Hoàng Tố N có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông T, bà B số vàng vốn vay còn nợ tổng cộng là 07 chỉ vàng 24k, loại 9999. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Đối với bà Nguyễn Hoàng Tố N dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Hoàng Tố N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào biên nhận nợ lập ngày 27/6/2013 (bút lục số 10) và Tờ cam kết lập ngày

12/5/2014 (bút lục số 11), có đủ cơ sở kết luận việc bà N có thỏa thuận vay và hiện tại còn nợ bà B và ông T 07 chỉ vàng 24k chưa trả là có thật, do việc này đã được bà N xác nhận bằng văn bản. Về loại vàng vay, do khi thỏa thuận cho vay hai bên không xác định được là vàng 24k loại bao nhiêu %, chỉ ghi là vàng 24k, xét thời điểm các đương sự xác lập hợp đồng vay tài sản vàng 24k trên thị trường có rất nhiều loại, do nguyên đơn không chứng minh được loại vàng mình cho vay là vàng bao nhiêu %, nên Hội đồng xét xử quyết định xác định loại vàng vay nêu trên là vàng 24k, loại 96% (tức loại vàng 24k có tỷ lệ phần % vàng thấp nhất). Hành vi không trả nợ vay nêu trên của bà N là hành vi vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Tại phiên tòa, bà B và ông T xác nhận toàn bộ số vàng cho bà N vay là tài sản chung của bà B và ông T, đồng thời yêu cầu bà N có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông, bà 07 chỉ vàng vốn còn nợ, bà B và ông T không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 buộc bà Nguyễn Hoàng Tố N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bá T số vàng vốn vay còn nợ tổng cộng là 07 chỉ vàng 24k loại 96%.

[3] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[4] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Nguyễn Hoàng Tố N chịu mức án phí có giá ngạch với mức là 5% tính trên giá trị số vàng bị buộc trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bá T. Buộc bà Nguyễn Hoàng Tố N có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị

B và ông Nguyễn Bá T số vàng vốn vay còn nợ tổng cộng là 07 (bảy) chỉ vàng 24k, loại 96%.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Hoàng Tô N phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.260.000 (một triệu hai trăm sáu mươi nghìn) đồng. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị B và ông Nguyễn Bá T 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0012489 ngày 13/10/2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khải H – Phạm Kim N

Nguyễn Hữu B